

## LUẬN THẬP ĐỊA KINH QUYỂN 5

### Địa 3: ĐỊA MINH

**Luận:** Dựa vào chỗ sai biệt của Địa thứ ba là Minh, có bốn phần:

1. Phần khởi hành nhằm chán.
2. Phần hành nhằm chán.
3. Phần sự nhằm chán.
4. Phần quả nhằm chán.

- Khởi hành nhằm chán; là do mười loại tâm niệm sâu xa.

- Hành nhằm chán; là quán xét tất cả hành là vô thường, cho đến chưa nhập thiền.

- Nhàm chán; là bốn thiền, bốn Không và Tam-ma-bạt-đề.

- Quả nhằm chán; là bốn vô lượng cùng với tâm sâu xa thanh tịnh, cho nên biết.

**Kinh:** “Này các Phật tử! Bồ-tát khéo làm thanh tịnh tâm, hành trí Địa thứ hai xong, muốn đạt được Địa thứ ba của Bồ-tát, phải dấy khởi mười loại tâm niệm sâu xa. Những gì là mười? Đó là:

1. Tâm thanh tịnh.
2. Tâm không động.
3. Tâm nhằm chán.
4. Tâm lìa dục.
5. Tâm không thối chuyển.
6. Tâm kiên cố.
7. Tâm sáng tỏ.
8. Tâm thuần hậu.
9. Tâm hứng thú.
10. Tâm lớn lao.

Bồ-tát dùng mười loại tâm niệm sâu xa này để đi vào Địa thứ

ba”.

**Luận:** Mười loại tâm niệm sâu xa ở đây:

1. Dựa vào sự thành tựu của Địa thứ hai để khởi tâm niệm sâu xa thanh tịnh, như kinh nói: “Khởi tâm thanh tịnh”.

2. Dựa vào chỗ không xả bỏ Thừa của mình, như kinh nói: “Khởi tâm không động”.

3. Ý chí cầu đạt pháp thù thắng, dấy khởi phương tiện thiện xảo, vì vậy có thể chán bỏ tham dục nơi vị lai.

4. Dựa vào sự không tham cầu nơi dục hiện tại, như kinh nói: “Khởi tâm nhàm chán, tâm lìa dục”.

5. Dựa vào chỗ không bỏ nẻo tăng tiến nơi Thừa của mình, như kinh nói: “Khởi tâm không thối chuyển”.

6. Dựa vào địa của mình, phiền não không thể hủy hoại, như kinh nói: “Khởi tâm kiên cố”.

7. Dựa vào tính chất tự tại của Tam-ma-bạt-đề (Định), như kinh nói: “Khởi tâm sáng tỏ”.

8. Dựa vào lực dụng tự tại của Thiền định, tuy sinh vào cõi dưới nhưng không thối thất, như kinh nói: “Khởi tâm thuần hậu”.

9. Dựa vào chỗ phiền não phát sinh kia không thể làm cho nhiễm ô, như kinh nói: “Khởi tâm hứng thú”.

10. Dựa vào việc làm lợi ích cho chúng sinh, không dứt bỏ các cõi, như kinh nói: “Khởi tâm lớn lao”.

Đã nói xong phần “Khởi hành nhàm chán”, tiếp theo là nói về phần “Hành nhàm chán”. Hành nhàm chán có ba loại:

1. Hành tu tập ngăn chặn phiền não.

2. Hành tu tập ngăn chặn Tiểu thừa.

3. Hành tu tập dùng phương tiện thâm nhiếp.

- Hành tu tập ngăn chặn phiền não; là quán xét hết thấy các hành vô thường, không có kẻ cứu độ. Hai mươi câu này chỉ rõ: Thế nào là quán tất cả hành vô thường?

**Kinh:** “Này các Phật tử! Bồ-tát ấy an trú nơi địa Bồ-tát thứ ba rồi, quán xét đúng đắn về pháp hữu vi, với tất cả hành vô thường, khổ-bất tịnh-vô thường, tan hoại không trú lâu, niệm niệm sinh diệt, không từ đời trước đến không đi đến đời sau, hiện tại thì không dừng. Quán xét đúng đắn về tất cả hành như vậy”.

**Luận:** Ở đây, nẻo hành của thọ mạng không dừng, là nêu rõ chung về quán vô thường. Như kinh nói: “Quán xét đúng đắn về pháp hữu vi...”.

Vô thường này thế nào? Cái gì là vô thường? Quán xét đúng đắn như vậy.

- Vô thường này thế nào? Dựa vào thời gian chuyển biến của thân sức, sinh ra ba loại khổ. Như kinh nói: “Là khổ”.

Dựa sức ăn uống, hình sắc có tăng-giảm... Như kinh nói: “Là bất tịnh”.

Dựa sức không thể ngăn giữ các điều ác, làm cho nên thọ mạng ngắn ngủi. Như kinh nói: “Là vô thường”.

Dựa vào sức của thế giới thành trú, diệt hoại. Như kinh nói: “Là tan hoại”.

Đời sống dựa vào chủ không có lực cố định, không dừng ở một nơi. Như kinh nói: “Không trú lâu”.

- Cái gì là vô thường? Vô thường có hai loại:

1. Khi còn trẻ. Như Kinh nói: “Niệm niệm sinh diệt”.

2. Tự tánh chẳng thành: Thật sự trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai là không sinh, không chuyển, không trú. Như kinh nói: “Không từ đời trước đến, không đi đến đời sau, hiện tại thì không dừng”.

- Quán xét đúng đắn về tất cả các hành như vậy, quán xét hết thấy pháp hữu vi như vậy, trong hành vô thường không có người cứu độ.

**Kinh:** “Bồ-tát ấy quán xét chân thật như vậy, thấy rõ tất cả hành không có người cứu độ, không nơi chốn nương dựa, cùng lo, cùng buồn, cùng bị bức bách, bị yêu ghét trói buộc, sầu não càng nhiều, không hề dừng lâu, luôn bị lửa tham sân si thiêu đốt, thấy rõ thân có vô lượng bệnh khổ tăng trưởng”.

**Luận:**

Bồ-tát ấy quán xét chân thật như vậy, thấy rõ tất cả hành không có người cứu độ. Mười câu thứ hai này, nói về Không cứu độ, có chín loại:

1. Ở nơi vô thường chưa đến; không có chỗ nương, báo cho biết. Như kinh nói: “Không nơi chốn nương tựa”.

2. Vô thường đã đến; không ai có thể cứu độ. Vì vô thường đến cho nên phần nhiều cùng lo, khổ. Như kinh nói: “Cùng lo”.

3. Khoảng giữa cùng buồn. Như kinh nói: “Cùng buồn”.

4. Trong sự việc cùng khổ não thì lo, buồn luôn đeo đuổi. Vì sức yếu kém cho nên càng thêm bức bối, bức bách. Như kinh nói: “Cùng bị bức bách”.

5. Lúc theo đuổi, cầu tìm vật dụng cho đời sống, mong muốn điều yêu thích chứ không mong điều không yêu thích. Như vậy, luôn bị vọng

tưởng về yêu-ghét trời buộc. Như kinh nói: “Bị yêu ghét trời buộc”.

6. Trong khi thọ dụng thì vui ít, khổ nhiều. Như kinh nói: “Sầu nào càng tăng nhiều”.

7. Vào lúc thân già yếu thì sức lực tráng kiện của thời trẻ không thể tích tập trở lại. Như kinh nói: “Không thể dừng lâu”.

8. Khi còn trẻ-mạnh, có đủ ba loại thọ nhận, thường bị tâm tham thiêu đốt. Như kinh nói: “Luôn bị lửa tham-sân-si đốt cháy”.

9. Lúc già yếu, vô lượng bệnh khổ tăng trưởng. Như kinh nói: “Thấy rõ thân có vô lượng bệnh khổ tăng trưởng”.

Ba câu sau đều nêu rõ về các việc khổ hoạn nơi thân. Vì sao không nêu ở phần đầu? Bởi vì chỉ rõ thân luôn luôn có sự lo lắng, hoạn nạn.

Thế nào là hành tu tập ngăn chặn Tiểu thừa?

**Kinh:** “Bồ-tát ấy thấy rõ như vậy rồi, đối với hết thảy Hành càng thêm chán lìa, hưởng tới trí tuệ của Như Lai. Bồ-tát này thấy rõ trí tuệ của Như Lai là không thể nghĩ bàn, là không gì hơn, là vô lượng, là khó chứng đắc, không xen tạp, không phiền, không lo, có thể dẫn đến thành lớn an ổn, không sợ hãi, không còn phải trở lại, thấy rõ là có thể cứu độ vô lượng chúng sinh khổ não”.

**Luận:**

- Tu hành ngăn chặn Tiểu thừa; tức là đối với tất cả các hành hữu vi, sinh chán lìa rồi, dốc lòng hưởng tới trí tuệ Phật. Dựa vào trí của Như Lai có hai loại lớn:

1. Lớn do thâm nhiếp các công đức.

2. Lớn do thanh tịnh.

- Lớn do thâm nhiếp các công đức; có năm loại:

1. Lớn do thâm nhiếp các công đức từ thần lực. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy thấy rõ trí tuệ của Như Lai là không thể nghĩ bàn”.

2. Lớn do thâm nhiếp các công đức không gì sánh, bởi vì không có người đối xứng. Như kinh nói: “Không gì bằng”.

3. Lớn do thâm nhiếp các công đức có ý nghĩa vĩ đại; bởi vì có thể làm lợi ích rộng khắp cho vô lượng chúng sinh. Như kinh nói: “Vô lượng”.

4. Lớn do thâm nhiếp các công đức không bị chê trách; bởi vì ít có, khó đạt được. Như kinh nói: “Khó chứng đắc”.

5. Lớn do thâm nhiếp các công đức khác thường; bởi vì các ngoại đạo không thể làm lẫn lộn. Như kinh nói: “Không xen tạp”.

- Lớn do thanh tịnh; là xa lìa phiền não sử-khổ, đạt được Niết-bàn.

Xa lìa phiền não sử; tức là xa lìa phiền não dựa theo vô minh, không bị xen tạp. Như kinh nói: “Không phiền não”.

Lìa khổ; tức là mọi khổ căn bản dứt hết, các thứ lo buồn tùy thuộc cũng hết. Như kinh nói: “Không lo buồn”.

Đạt được Niết-bàn. Như kinh nói: “Có thể dẫn đến thành lớn an ổn, không sợ hãi”.

Bồ-tát đến thành Niết-bàn rồi, không còn thối chuyển trở lại, mà có thể làm lợi ích cho chúng sinh khiến họ đạt được các sự việc thù thắng của Niết-bàn thế gian và xuất thế gian. Như kinh nói: “Không còn thối chuyển trở lại”.

Thấy có thể cứu độ vô lượng chúng sinh khổ não, là dựa vào các chúng sinh không có người cứu độ, phát khởi mười loại tâm thù thắng.

**Kinh:** “Bồ-tát thấy rõ trí tuệ của Như Lai vô lượng như vậy, thấy rõ hết thấy hành hữu vi có vô lượng khổ não, lại đối với tất cả chúng sinh mà chuyển sinh mười loại tâm thù thắng. Những gì là mười? Đó là Bồ-tát khởi tâm thù thắng đối với mười loại chúng sinh:

1. Chúng sinh đáng thương xót vì cô độc, không có người cứu độ.
2. Luôn luôn bận cùng.
3. Bị lửa của ba độc thiêu đốt không dứt.
4. Bị giam trong lao ngục kiên cố của ba cõi.
5. Thường bị các thứ rừng rậm xấu ác của phiền não che phủ.
6. Không có sức lực để quán xét đúng đắn.
7. Xa lìa pháp thiện, tâm không có gì vui sướng.
8. Mất pháp diệu của chư Phật.
9. Luôn bị cuốn theo dòng chảy của thế gian.
10. Mất phương tiện đạt tới Niết-bàn”.

**Luận:**

Ở đây, không có người cứu bởi vì cô độc. Cô độc không có người cứu, có chín loại:

1. Cô độc không có người cứu vì luôn luôn bận cùng.
2. Cô độc không có người cứu vì bị lửa của ba độc thiêu đốt không dứt.
3. Cô độc không có người cứu vì bị giam trong lao ngục kiên cố của ba cõi.
4. Cô độc không có người cứu vì thường bị các thứ rừng rậm xấu ác của phiền não che phủ.
5. Cô độc không có người cứu vì không có sức lực để quán xét đúng đắn.

6. Cô độc không có người cứu vì xa lìa pháp thiện, tâm không có gì vui sướng.

7. Cô độc không có người cứu vì làm mất pháp diệu của Phật.

8. Cô độc không có người cứu vì luôn bị cuốn theo dòng chảy của thế gian.

9. Cô độc không có người cứu vì mất phương tiện đạt tới Niết-bàn.

- Dựa vào chúng sinh cầu Dục mà tâm không biết chán đủ, đối với tài sản của kẻ khác luôn mong cầu không biết dừng nghỉ, hai loại mà nên biết. Như kinh nói: “Đối với chúng sinh luôn mãi bần cùng, khởi tâm thù thắng. Đối với chúng sinh bị lửa của ba độc thiêu đốt không dứt, khởi tâm thù thắng”.

- Dựa vào các chúng sinh cầu Hữu (cõi) luân chuyển trong sáu cõi thế gian, các chúng sinh kia do bị phiền não che lấp, thường sinh vào các chốn nạn. Ba câu như vậy, theo thứ tự nên biết, như kinh nói: “Đối với các chúng sinh bị giam trong lao ngục kiên cố của ba cõi, khởi tâm thù thắng. Đối với các chúng sinh thường bị các thứ rừng rậm xấu ác của phiền não che phủ, khởi tâm thù thắng. Đối với các chúng sinh không có sức lực để quán xét đúng đắn, khởi tâm thù thắng”.

- Dựa vào các chúng sinh cầu phạm hạnh không phát khởi ý niệm thù thắng, mang tâm kiêu mạn tăng thượng, tâm không muốn vào Niết-bàn, tâm vọng hành theo ngoại đạo. Bốn câu như vậy, theo thứ tự nên biết, như kinh nói: “Đối với các chúng sinh:

1. Xa lìa pháp thiện, tâm không có gì vui sướng.

2. Làm mất pháp diệu của Phật.

3. Thường bị cuốn theo dòng chảy của thế gian.

4. Mất phương tiện đạt đến Niết-bàn. Bồ-tát khởi tâm thù thắng”.

Tiếp theo là nói về Bồ-tát hành tinh tiến, phát mười loại tâm bày để cứu độ chúng sinh.

**Kinh:** “Bồ-tát ấy thấy rõ cảnh giới của các chúng sinh đều nhận chịu vô số các thứ khổ não như vậy, đã phát khởi hạnh tinh tiến lớn: Các chúng sinh này mình nên cứu độ, nên giải thoát, nên khiến cho họ được thanh tịnh, nên khiến họ được thoát khỏi, nên dẫn dắt họ đi đến nơi thiện, nên khiến họ an trú, cho nên khiến họ hoan hỷ, nên biết rõ chỗ thích hợp, nên khiến cho họ được vượt qua, nên khiến họ đạt đến Niết-bàn”.

**Luận:** Cứu độ những nơi chốn nào? Dùng những gì để cứu độ?

Làm sao cứu độ thành tựu? Phần này làm rõ chỗ sai biệt của việc cứu độ chúng sinh.

- Cứu độ những nơi chốn nào? Ở trong vọng tưởng về nghiệp, vọng tưởng về phiền não, vọng tưởng về sinh tồn. Như kinh nói: “Mình nên giải cứu, nên khiến cho họ được thanh tịnh, cho nên khiến họ được thoát khỏi”. Thứ tự như vậy, mình nên cứu độ.

- Dùng những gì để cứu độ? Trao cho ba Học để thâm nhiếp, khuyến ở yên nơi chốn trì giới, khuyến khích trú nơi chốn định-tuệ. Như kinh nói: “Cho nên dẫn dắt họ đi đến chốn thiện. Cho nên khiến an trú”.

Thứ tự về cảnh giới Tam-muội như vậy là định-tuệ hợp nêu.

Lại khuyến ở yên nơi chốn trì giới có hai loại:

1. Dứt trừ lưới nghi khiến tin tưởng vào giới. Như kinh nói: “Nên khiến họ hoan hỷ”.

2. Người đã vào giới; khiến tâm vui thích, an trú kiên cố, không động. Như kinh nói: “Nên biết rõ chỗ thích hợp”.

Lại khuyến trú vào định-tuệ, diệt trừ các thứ tùy phiền não sai khiến như Trạo cử, Hôn trầm. Như kinh nói: “Nên khiến cho họ được vượt qua”.

- Làm sao cứu độ thành tựu? Tức là khiến đạt được hai loại cảnh giới Niết-bàn. Như kinh nói: “Nên khiến cho họ đạt đến Niết-bàn”.

Đó gọi là Hành tu tập ngăn chặn nẻo Tiểu thừa.

Thế nào là Hành tu tập dùng phương tiện để thâm nhiếp?

**Kinh:** “Bồ-tát khéo chán lìa tất cả hành hữu vi như vậy rồi, nhớ nghĩ sâu về hết thấy cảnh giới chúng sinh, hướng tới trí Nhất thiết trí, làm vô lượng lợi ích, ngay lúc ấy dựa vào trí tuệ của Như Lai để cứu độ chúng sinh, tư duy như vậy: Các chúng sinh này rơi vào trong nghiệp-piền não nhiều khổ đau, dùng phương tiện hành hóa gì để cứu vớt, khiến họ an trú nơi Niết-bàn an lạc trọn vẹn?”.

**Luận:**

Ở đây, chán lìa-nhớ nghĩ sâu-tạo lợi ích, chỉ rõ về ba loại nhân:

1. Nhân xa lìa vọng tưởng; khéo chán lìa hết thấy hành hữu vi.  
2. Nhân không xả bỏ thế gian; nhớ nghĩ sâu về tất cả cảnh giới chúng sinh.

3. Nhân phát khởi tinh tiến; hướng tới trí Nhất thiết trí, làm vô lượng lợi ích.

- Hướng tới nơi chốn lợi ích; là có thể tu hành chánh đạo.

- Nhớ nghĩ sâu xa; là có thể khéo hóa độ chúng sinh.

- Dựa vào trí tuệ của Như Lai để cứu độ chúng sinh. Câu này chỉ

rõ về hành phát khởi phương tiện để thâm nhiếp. Như kinh nói: “Bồ-tát tư duy: Các chúng sinh này rơi vào trong...”.

- Rơi vào trong nghiệp-phiền não khổ đau: Khổ là vọng tưởng về sinh tồn. Phiền não là vọng tưởng về phiền não. Nghiệp là vọng tưởng về nghiệp.

- Niết-bàn an lạc trọn vẹn; là Niết-bàn vô thượng.

- Trong ấy, phương tiện hành hóa để thâm nhiếp có ba loại:

1. Chứng đắc rốt ráo tận cùng.
2. Phát khởi chứng đắc rốt ráo tận cùng bậc nhất.
3. Phát khởi hành nương tựa.

**Kinh:** “Bồ-tát ấy suy nghĩ: Không lìa bỏ nơi chốn của trí giải thoát không chướng ngại. Nhờ vào nơi chốn của trí kia cho nên không lìa bỏ sự nhận biết đúng như thật về tất cả pháp. Nhờ vào sự nhận biết đúng như thật về tất cả pháp kia cho nên không lìa trí tuệ hành vô sinh vô hành. Do ánh sáng của trí tuệ như vậy cho nên không lìa phương tiện của thiền, quyết định quán trí tuệ. Nhờ vào phương tiện của thiền, quyết định quán trí tuệ kia cho nên không lìa phương tiện của văn tuệ”.

**Luận:**

- Chứng đắc rốt ráo tận cùng; là an trú trong trí giải thoát không chướng ngại. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy suy nghĩ: Không lìa bỏ nơi chốn của trí giải thoát không chướng ngại”.

Bồ-tát hoàn toàn dựa vào tất cả pháp do Như Lai nêu giảng, tùy thuận để phát khởi sự nhận biết đúng như thật. Nhờ sự nhận biết đúng như thật đó mà sinh trí giải thoát không chướng ngại kia. Như kinh nói: “Nhờ vào nơi chốn của trí giải thoát không chướng ngại kia, cho nên không lìa sự nhận biết đúng như thật về tất cả pháp”.

Đây là hành tuệ không phân biệt tự tướng, đồng tướng. Như kinh nói: “Nhờ vào sự nhận biết đúng như thật về tất cả pháp kia cho nên không lìa tuệ hành vô sinh-vô hành. Do ánh sáng của trí tuệ như vậy cho nên không lìa phương tiện của thiền...”.

Trí tuệ kia, ở đây gọi là Ánh sáng rạng rỡ. Dựa vào ánh sáng đó cho nên gọi là địa Minh (Địa thứ ba). Bồ-tát ấy, ở trong thiền định, dùng phương tiện quyết định quán trí tuệ. Như kinh nói: “Nhờ vào phương tiện của thiền kia quyết định quán trí tuệ cho nên không lìa phương tiện của Văn tuệ”.

- Phương tiện của thiền; là đạt được thiền thắng tiến.

- Quyết định; tức là quyết định đối với các việc khác.

- Quán trí tuệ; là dùng trí tuệ của chính mình để quán xét. Đó gọi



là phát khởi sự chứng đắc rốt ráo tận cùng bậc nhất.

Bồ-tát quán trí tuệ như vậy là dựa vào phương tiện của Văn tuệ mà đạt được. Đây là Bồ-tát phát khởi hành nương dựa. Phương tiện của văn tuệ là chỗ nương dựa của sự phát khởi. Vì thế, tu hành được gọi là Bồ-tát dấy khởi hành nương dựa, trong đó, hành giả ngày đêm cầu pháp, nghe pháp. Thứ tự dựa vào giáo-nghe như vậy.

**Kinh:** “Bồ-tát quán xét đúng đắn nhận biết như vậy rồi, lại càng thêm siêng năng tu tập, hành trì cầu đạt chánh pháp, ngày đêm luôn cầu nghe pháp, thích pháp, vui với pháp, dựa vào pháp, thuận theo pháp, làm tăng trưởng pháp, tư duy pháp, đạt tới chỗ rốt ráo của pháp, quy kính pháp, tùy thuận pháp để hành hóa”.

**Luận:**

- Ở đây, hành trì cầu đạt chánh pháp; là dựa vào kinh giáo, dựa vào diệu nghĩa, như trước đã nói.

- Ngày đêm luôn cầu, nghe pháp-thích pháp-vui với pháp; là không có tâm kiêu mạn, không có tâm ganh ghét, không có tâm khuất phục kẻ khác, để hỏi nghĩa.

- Dựa vào pháp; là dựa vào giáo pháp Đại thừa, tự thấy rõ là đúng để giữ lấy, không quên mất.

- Theo pháp, làm tăng trưởng pháp-tư duy về pháp; là dựa vào sự đọc tụng, dựa vào việc vì người khác mà nêu giảng, dựa vào nơi chốn tịch tĩnh để tư duy về ý nghĩa.

- Đạt tới chỗ rốt ráo của pháp; là dựa vào định để tu hành.

- Quy kính pháp; là dựa vào trí xuất thế gian.

- Tùy thuận pháp để hành hóa; là dựa vào giải thoát, đối với pháp giải thoát của chư Phật luôn tùy thuận mà hành trì.

Trong đoạn này, hành trì cầu đạt chánh pháp, luôn cầu nghe pháp: Hai câu này chỉ rõ việc luôn siêng năng hành trì. Thích pháp... gồm chín câu chỉ rõ về sự tu hành chân chánh. Bồ-tát kia thường siêng năng hành trì, lấy gì làm nhân? Chỉ rõ là sự cung kính, tôn trọng pháp, hết mực đầy đủ trọn vẹn. Bồ-tát kia được tài sản bậc nhất, ở trong chốn nhiều của cải châu báu cùng ngôi vị vua chúa, hoặc sinh nơi cõi trời, sinh trong thế gian thanh tịnh, tự thân luôn tôn trọng chánh pháp.

**Kinh:** “Bồ-tát dùng phương tiện như vậy để cầu đạt pháp Phật, không có các thứ tiền của, kho đụn vật báu nào mà không thể xả bỏ. Đối với các vật ấy không sinh ý tưởng khó có, chỉ đối với người thuyết giảng chánh pháp sinh tưởng là khó gặp. Bồ-tát này, vì cầu pháp Phật, không có các thứ tài sản bên ngoài được thọ dụng nào mà không thể xả

bỏ, cũng không có các thứ tài sản bên trong nào mà không thể từ bỏ. Không có chỗ tạo ra các vật dụng để cung cấp, tôn kính nào mà không thể làm. Không có các thứ kiêu mạn-ngã mạn-đại mạn nào mà không thể trừ bỏ. Ngay thẳng-chân chất-dịu dàng-mềm mỏng, cho nên không có thân khổ nào mà không thể thọ nhận. Bồ-tát ấy thành tựu được “Tâm thẳng tài. Nếu nghe một câu pháp chưa từng nghe, thì cho là hơn có được châu báu đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Bồ-tát này, nếu được nghe một bài kệ về chánh pháp, thì sinh ý tưởng cho là tài sản bậc nhất, hơn có được ngôi vị Chuyển luân Thánh vương. Lại nữa, đạt được Tâm thẳng tài, nếu được pháp chưa từng nghe, có thể làm thanh tịnh cho hạnh Bồ-tát, thì cho là hơn có được mạng sống vô lượng kiếp nơi chốn của Thích-đề-hoàn-nhân, Phạm Thiên vương. Bồ-tát này, nếu có người đến nói như vậy: Tôi sẽ trao cho ông một câu pháp do Phật thuyết giảng, có thể làm thanh tịnh cho hạnh Bồ-tát, nếu như nay ông có thể nhảy vào hầm lửa lớn đang cháy rực, chịu khổ não dữ dội, như vậy thì ông sẽ nhận được câu pháp kia. Bồ-tát ấy liền tư duy: Mình nhận được một câu pháp do Phật thuyết giảng, có thể làm thanh tịnh cho hạnh Bồ-tát, thì đối với lửa dữ đầy khắp trong ba ngàn đại thiên thế giới, hãy còn từ cõi Phạm thiên nhảy xuống, huống là bước vào hầm lửa nhỏ này! Mình chờ đợi pháp, thì dù phải thọ nhận hết mọi thứ khổ nơi địa ngục, vẫn làm được để cầu pháp, huống là các khổ não nhỏ trong cõi người!

Bồ-tát phát khởi hạnh tinh tiến như vậy, tu tập chánh pháp, theo pháp đã được nghe, ở chốn tịch tĩnh, đều có thể quán xét đúng đắn”.

#### Luận:

Bồ-tát kia, vì quý trọng pháp cho nên có thể xả bỏ tất cả tài sản vật dụng. Như kinh nói: “Bồ-tát dùng phương tiện như vậy để cầu đạt pháp Phật...”. Cho đến: “Chỉ đối với người thuyết giảng chánh pháp sinh ý tưởng khó gặp”.

Đối với các thứ tài sản bên ngoài-bên trong, Bồ-tát đều có thể xả bỏ để cầu đạt pháp Phật, như kinh đã nói rõ.

Thân hành cung kính, phụng dâng... Như kinh nói: “Không có chỗ tạo ra các vật dụng để cung cấp tôn kính nào mà không thể làm...”.

Các thứ tâm ý cao ngạo, tự đại cũng có thể dứt bỏ. Như kinh nói: “Không có các thứ kiêu mạn-ngã mạn-đại mạn nào...”.

Những nơi chốn cần giữ gìn, Bồ-tát cũng có thể xả bỏ.

Vô số các thứ khổ nơi thân đều có thể nhận chịu... Đối với các thứ tài sản, châu báu quý giá, thù thắng có được nhưng Bồ-tát không yêu thích, vì đã thành tựu tâm quý trọng pháp. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy

thành tựu được Tâm thắng tài...” cho đến “cho là hơn có được châu báu đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới”. Đó gọi là đối với của cải đã thắng được chúng.

Thế nào gọi là thắng đối với ngôi vị vua...? Bồ-tát ấy đạt được pháp, càng sinh tâm hoan hỷ và thành tựu tâm ấy, còn hơn có được ngôi vị Chuyển luân Thánh vương, Đế thích, Phạm vương. Như kinh nói: “Bồ-tát này được nghe một bài kệ về chánh pháp, sinh ý tưởng cho là tài sản bậc nhất...”.

Vì cầu pháp, cho nên Bồ-tát có thể buông thân nhẩy vào lửa dữ cháy tràn khắp ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến ở rất lâu nơi địa ngục nhận chịu bao thứ khổ não. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, nếu có người đến nói như vậy...”.

- Ở đây, nghe một câu pháp; tức là nghe câu chữ về pháp.

- Được nghe một bài kệ về pháp; là nghe kệ nói về chánh pháp.

- Có thể làm thanh tịnh cho hạnh Bồ-tát; tức là lãnh hội về ý nghĩa.

Sự tu hành chân chánh ấy dùng gì để làm nhân? Tức là chỉ rõ dựa vào chốn tịch tĩnh để tư duy quán xét đúng đắn. Như kinh nói: “Bồ-tát phát khởi hạnh tinh tiến như vậy...”.

Thế nào là phần nhầm chán? (Phần ba trong bốn phần nơi Địa thứ ba).

Bồ-tát ấy lãnh hội các pháp rồi, nhận biết phải tu hành đúng theo lời giảng nói mới chứng đạt pháp Phật. Nhập thiền vô sắc với vô lượng thần thông, nhưng đó không phải là chốn an lạc, cho nên ở trong đó quyết định không đắm nhiễm.

**Kinh:** “Bồ-tát ấy nghe các pháp rồi, tự hàng phục tâm mình, ở nơi chốn thanh vắng, tâm suy nghĩ: Phải hành trì đúng như lời giảng nói mới chứng đắc pháp Phật, không thể chỉ dùng những ngôn thuyết từ nơi miệng mà đạt được thanh tịnh. Bồ-tát ấy, trú nơi địa Minh này, dựa vào lời thuyết giảng để hành trì, liền lia các pháp ác, bất thiện của dục nơi có giác có quán, hỷ lạc sinh do lìa, nhập vào nẻo hành của Thiền thứ nhất. Bồ-tát ấy diệt bỏ giác-quán, bên trong tâm thanh tịnh, toàn chốn không giác-không quán, hỷ lạc sinh do định nhập vào nẻo hành của Thiền thứ hai. Bồ-tát này lìa hỷ, hành xả, nghĩ về tuệ an ổn, thân thọ nhận lạc như các bậc Hiền Thánh đã có thể nêu bày, có thể xả bỏ, nghĩ về sự thọ nhận an lạc, nhập vào nẻo hành của Thiền thứ ba. Bồ-tát ấy dứt hẳn mọi khổ-vui, trước hết là dứt bỏ ưa-hỷ, không khổ không vui, niệm xả thanh tịnh nhập vào nẻo hành của Thiền thứ tư. Bồ-tát này vượt

quá hết thấy tướng của sắc, dứt bỏ tất cả tướng hữu đối, không nghĩ về tất cả tướng dị biệt, nhận biết về Hư không vô biên, liền nhập vào nẻo hành của xứ Hư không vô biên. Bồ-tát này đã vượt qua tất cả tướng của Hư không vô biên, nhận biết Thức vô biên, liền nhập vào nẻo hành của xứ Thức vô biên. Bồ-tát này lại vượt quá tất cả tướng của Thức vô biên, nhận biết về Vô sở hữu, liền nhập vào nẻo hành của xứ Vô sở hữu. Bồ-tát ấy lại vượt quá tất cả xứ Vô sở hữu, nhận biết nơi an ổn của Phi hữu tướng phi vô tướng, liền nhập vào nẻo hành của xứ Phi hữu tướng phi vô tướng, chỉ tùy thuận pháp hành mà không ham thích, vương chấp”.

**Luận:**

- Do ý nghĩa gì mà nhập thiền Vô sắc với vô lượng thần thông? Vì năm loại chúng sinh:

1. Vì các chúng sinh kiêu mạn nơi thiền lạc cho nên nhập các thiền.
2. Vì giải thoát cho các chúng sinh kiêu mạn nơi Vô sắc cho nên nhập định vô sắc.
3. Vì các chúng sinh khổ não, khiến an trú nơi xứ thiện, trao cho an lạc vĩnh viễn, cần giải cứu các thứ khổ kia, khiến họ không còn nhận chịu nữa, cho nên nhập vô lượng Từ Bi.
4. Vì các chúng sinh được giải thoát, cho nên nhập vô lượng Hỷ Xả.
5. Vì các chúng sinh quy y nơi nẻo tà, cho nên nhập thần thông lực thù thắng, khiến họ có được chánh tín đối với ý nghĩa.

- Địa này đạt được thiền không thối chuyển, cho nên gọi là địa Tam-muội. Địa trước không phải là không có Tam-muội, nhưng địa này vượt hơn. Ở đây, sự sai biệt của thiền cõi Sắc có bốn loại:

1. Lìa chướng ngại.
2. Tu hành đối trị.
3. Tu hành làm lợi ích.
4. Hai loại kia (2, 3) đều nương vào Tam-muội.

Trong thiền thứ nhất này:

- Lìa các pháp ác, bất thiện của dục; đó gọi là lìa chướng ngại. Như kinh nói: “Tức lìa các pháp ác, bất thiện của dục”.

- Có giác có quán; đó gọi là Tu hành đối trị. Như kinh nói: “Nơi có giác có quán”.

- Hỷ lạc; đó gọi là tu hành làm lợi ích. Như kinh nói: “Hỷ lạc sinh do lìa”.

- Nhập vào nẻo hành của thiền thứ nhất; đó gọi là hai loại kia đều

nướng vào Tam-muội. Như kinh nói: “Nhập vào nẻo hành của thiền thứ nhất”.

Trong thiền thứ hai:

- Diệt bỏ giác-quán; đó gọi là lìa chướng ngại. Như kinh nói: “Diệt bỏ giác-quán”.

- Bên trong thanh tịnh; đó gọi là tu hành đối trị, diệt bỏ chướng ngại là giác-quán. Như kinh nói: “Bên trong, tâm thanh tịnh, toàn xứ đều không giác không quán”. Tâm một xứ; là tu tập Tam-muội vô lậu không gián đoạn, hành một cảnh.

- Hỷ lạc do định sinh; đó gọi là tu hành làm lợi ích. Như kinh nói: “Hỷ lạc do định sinh”.

- Nhập vào nẻo hành của thiền thứ hai; đó gọi là hai loại kia đều nướng vào Tam-muội. Như kinh nói: “Nhập vào nẻo hành của thiền thứ hai”.

Trong thiền thứ ba:

- Lìa hỷ; đó gọi là lìa chướng ngại. Như kinh nói: “Lìa hỷ”.

- Hành xả- nghĩ về tuệ an ổn; đó gọi là tu hành đối trị. Như kinh nói: “Hành xả, nghĩ về tuệ an ổn”.

- Thân thọ nhận lạc; đó gọi là tu hành làm lợi ích. Như kinh nói: “Thân thọ nhận lạc”.

- Nhập vào nẻo hành của thiền thứ ba; đó gọi là hai loại kia đều nướng vào Tam-muội. Như kinh nói: “Nhập vào nẻo hành của thiền thứ ba”.

Trong thiền thứ tư:

- Đoạn trừ khổ- lạc, trước hết là dứt bỏ ưu-hỷ; đó gọi là lìa chướng ngại. Như kinh nói: “Đoạn trừ khổ-lạc...”.

- Niệm xả thanh tịnh; đó gọi là tu hành đối trị. Như kinh nói: “Niệm xả thanh tịnh”.

- Không khổ-không lạc; đó gọi là tu hành làm lợi ích. Như kinh nói: “Không khổ-không vui”.

- Nhập vào nẻo hành của thiền thứ tư; đó gọi là hai loại kia đều nướng vào Tam-muội. Như kinh nói: “Nhập vào nẻo hành của thiền thứ tư”.

Tam-ma-bạt-đề (Định) vô sắc cũng có bốn loại:

1. Lìa chướng ngại.
2. Tu hành đối trị.
3. Tu hành làm lợi ích.
4. Hai loại kia (2, 3) đều nướng vào Tam-muội.

Vượt quá tất cả tướng của sắc; là vượt quá tướng của nhãn thức.

- Diệt bỏ hết thấy tướng của hữu đối; tức là tướng hòa hợp của nhĩ thức-tỷ thức-thiệt thức-thân thức, được diệt trừ.

- Không nghĩ về tất cả tướng dị biệt; là không nghĩ về tướng hòa hợp của ý thức. Do ý thức phân biệt đối với tất cả pháp, cho nên gọi là tướng dị biệt. Cả ba trường hợp trên gọi là lìa chướng ngại.

- Như vậy, đối trị vượt quá tướng của sắc và cảnh giới, không phân biệt sắc và cảnh giới, thấy rõ vô ngã. Đó gọi là tu hành đối trị.

- Nhận biết về Hư không vô biên; đó gọi là tu hành làm lợi ích.

- Liên nhập vào nẻo hành của Hư không vô biên; đó gọi là hai loại kia đều nương vào Tam-muội.

Vượt quá tất cả tướng của Hư không vô biên; đó gọi là lìa chướng ngại.

- Đối trị như vậy, vượt quá Hư không vô biên kia, thấy rõ niệm thô bên ngoài, phân biệt chỗ lỗi lầm, trở ngại; đó gọi là tu hành đối trị.

- Nhận biết về Thức vô biên; đó gọi là tu hành làm lợi ích.

- Liên nhập vào nẻo hành của Thức vô biên; đó gọi là hai loại kia đều nương vào Tam-muội.

Vượt quá tất cả tướng của Thức vô biên; đó gọi là lìa chướng ngại.

- Đối trị như vậy; vượt quá Thức vô biên kia, thấy rõ niệm về sự thô, phân biệt chỗ lỗi lầm, trở ngại; đó gọi là tu hành đối trị.

- Nhận biết về Vô sở hữu; đó gọi là tu hành làm lợi ích.

- Liên nhập vào nẻo hành của Vô sở hữu; đó gọi là hai loại kia đều nương vào Tam-muội.

Vượt quá tất cả tướng của Vô sở hữu; đó gọi là lìa chướng ngại.

- Đối trị như vậy: Vượt quá cảnh giới Vô sở hữu, thấy rõ niệm thô, phân biệt chỗ lỗi lầm, trở ngại; đó gọi là tu hành đối trị.

- Nhận biết chỗ an ổn của Phi hữu tướng phi vô tướng; đó gọi là tu hành làm lợi ích.

- Liên nhập vào nẻo hành của Phi hữu tướng phi vô tướng; đó gọi là hai loại kia đều nương vào Tam-muội.

Phần Nhàm chán đã trình bày xong.

Thế nào là Quả nhàm chán? (Phần bốn của Địa thứ ba) Đó là bốn vô lượng, năm thần thông... Những gì là bốn vô lượng?

**Kinh:** “Bồ-tát này với tâm Từ tùy thuận rộng lớn vô lượng, không hai. Tâm ấy không sân hận, không đối, không chướng, không náo hại. Tâm ấy hiện bày đến tất cả xứ của thế gian, pháp giới, hư không giới rất

ráo tốt cùng của thế gian. Tâm ấy trùm khắp tất cả hành của thế gian. Như vậy, Bồ-tát với tâm Bi tùy thuận, tâm Hỷ tùy thuận, tâm Xả tùy thuận rộng lớn vô lượng, không hai. Ba tâm này (Bi, Hỷ, Xả) không sân hận, không đối, không chướng, không nào hại. Tâm ấy hiện bày đến tất cả xứ của thế gian, pháp giới, hư không giới rất ráo tốt cùng của thế gian, trùm khắp tất cả hành của thế gian”.

**Luận:**

Vô lượng có ba loại:

1. Nhớ nghĩ về chúng sinh.
2. Nhớ nghĩ về pháp.
3. Vô niệm.

Nhớ nghĩ về chúng sinh có bốn loại tướng sai biệt:

1. Ban cho an lạc.
2. Đối trị chướng ngại.
3. Thanh tịnh.
4. Thâu nhiếp quả.

- Thế nào là ban cho an lạc? Tức là ban cho ba loại an lạc. Một là; ban cho an lạc nơi cõi Dục. Hai là; ban cho đồng hỷ-lạc nơi cõi Sắc; ba là; ban cho hỷ-lạc chẳng đồng, vì ở đây là lia khổ, lia hỷ.

Không hai (Bất nhị); cũng là rộng lớn vô lượng. Như kinh nói: “Bồ-tát này với tâm Từ tùy thuận rộng lớn vô lượng, không hai”.

- Thế nào là đối trị chướng ngại? Ban cho không tham ái là trao cho sự đối trị chướng ngại do ái này. Như kinh nói: “Không sân hận, không đối”.

- Thế nào là thanh tịnh? Thân tâm chánh đoạn, không cười đùa, không có các Cái (che lấp) như thù miên, trạo cử, hối... Như kinh nói: “Không chướng ngại”.

- Thế nào là thâu nhiếp quả? Trong cõi Dục, cõi Sắc thọ nhận chánh quả, tập quả, không có sự khổ. Như kinh nói: “Không nào hại”.

Thế nào là nhớ nghĩ về pháp? Hiện bày khắp tất cả xứ, tất cả hàng phạm phu hiện có nơi ba cõi, các hàng chúng sinh hữu học-vô học cùng pháp và chúng sinh phân biệt tạo tác hiện có, đều có thể nhớ nghĩ, nhận biết. Như kinh nói: “Hiện bày đến tất cả xứ của thế gian”.

Vô niệm có hai loại:

1. Vô niệm tự tướng; là quán pháp vô ngã tốt cùng trong thế gian. Như kinh nói: “Pháp giới, tốt cùng của thế gian”.

2. Quán xét khắp đến vô tận. Như kinh nói: “Hư không giới rất ráo”.

- Hết thủy thế gian; là hành rộng lớn của tất cả thế giới. Như kinh nói: “Bao trùm khắp hành của tất cả thế gian”.

- Các thần thông; là bốn thần thông thuộc về Minh trí. Thần thông thứ năm thuộc về Minh kiến.

1. Một thần thông nơi thân nghiệp thanh tịnh.

2. Thiên nhĩ-Tha tâm trí là hai thần thông nơi khẩu nghiệp thanh tịnh.

3. Túc mạng-Sinh tử trí là hai thần thông nơi ý nghiệp thanh tịnh.

Một thần thông nơi thân có thể đi đến mọi nơi chốn của chúng sinh. Hai thần thông Thiên nhĩ-Tha tâm có thể nhận biết ý nghĩa của âm thanh thuyết pháp. Do nhận biết về tâm kẻ khác, tùy theo các loại ngôn âm mà đều có thể nhận biết. Dựa vào nghĩa này có đủ loại tên gọi khác được nêu bày, tùy theo nẻo dụng của chúng sinh. Hai thần thông khứ, lại nhận biết các chúng sinh quá khứ-vị lai, với chỗ cần thọ nhận sự hóa độ. Thế nào là thần thông nơi thân?

**Kinh:** “Bồ-tát này hiện bày vô lượng thần thông lực, có thể làm chuyển động đại địa. Một thân hiện làm nhiều thân. Nhiều thân biến thành một thân. Hiện mất đi rồi có trở lại. Mọi thứ chướng ngại như tường đá, vách núi đều có thể xuyên qua, như đi giữa hư không. Ở trong hư không ngồi kiết già mà đi giống như chim bay. Vào-ra nơi đất như ra vào nơi nước không khác. Đi trên nước như đi trên đất. Thân tuôn ra lửa khói như khối lửa lớn. Nơi thân phóng ra nước cũng như đám mây lớn. Mặt trời, mặt trăng có thần đức lớn, uy lực lớn, nhưng Bồ-tát có thể dùng tay sờ, chạm vào, xoa mạnh. Thân lực tự tại cho đến cõi Phạm Thế. Bồ-tát này dùng cảnh giới của thiên nhĩ thanh tịnh hơn hẳn con người, nghe được hai loại âm thanh của hàng trời-người, hoặc gần hoặc xa, cho đến âm thanh của các loài vật nhỏ như ruồi-muỗi-nặng... cũng đều nghe được. Bồ-tát này vận dụng Tha tâm trí nhận biết đúng như thật về tâm và tâm sở pháp của chúng sinh khác. Có tâm tham thì biết như thật là có tâm tham. Là tâm tham thì biết đúng như thật là là tâm tham. Biết đúng như thật là có tâm sân-lìa tâm sân, có tâm si- lìa tâm si. Biết đúng như thật là có tâm nhiễm-lìa tâm nhiễm, tâm nhỏ, tâm rộng, tâm lớn, tâm vô lượng, tâm thâm nhiếp, tâm không thâm nhiếp, tâm trú định, tâm không trú định, tâm giải thoát, tâm không giải thoát, tâm mong cầu, tâm không mong cầu. Tâm hưởng thượng thì biết đúng như thật là tâm hưởng thượng. Tâm không hưởng thượng, thì biết đúng như thật là tâm không hưởng thượng. Bồ-tát này cũng nhớ biết đúng như thật về vô lượng thọ mạng nơi đời trước, các nơi chốn sinh ra cũng có



thể nhớ biết. Nhớ biết về một đời, hai-ba-bốn-năm cho đến mười-hai mươi-ba mươi-bốn mươi-năm mươi đời. Cũng có thể nhớ biết về một trăm đời, nhớ biết về vô lượng trăm đời, vô lượng ngàn đời, vô lượng trăm ngàn đời. Nhớ biết về kiếp thành, kiếp hoại và kiếp thành hoại, vô lượng kiếp thành hoại. Cho đến nhớ biết về trăm kiếp, ngàn kiếp, trăm ngàn kiếp, ức kiếp, trăm ức kiếp, ngàn ức kiếp, trăm ngàn ức kiếp. Nhớ biết cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp... Mình vốn ở nơi ấy với, tên gọi-họ-đời sống-hình sắc, sự ăn uống- thọ mạng-đã trú lâu như vậy, thọ nhận khổ vui như vậy. Mình ở nơi kia chết đi, sinh ra tại nơi này. Ở nơi này chết đi, sinh ra ở nơi kia. Như vậy, về đời quá khứ với vô số tướng mạo-tánh tướng... được nêu bày, đều có thể nhớ biết.

Bồ-tát này, vận dụng cảnh giới của thiên nhân thanh tịnh hơn hẳn con người, thấy rõ các chúng sinh, hoặc sống hoặc chết, hình sắc tốt xấu, hành thiện-hành bất thiện, nghèo hèn-giàu sang, các chúng sinh đó tùy theo chỗ tạo nghiệp, đều nhận biết đúng như thật. Các chúng sinh đó gây tạo nghiệp ác nơi thân, nơi miệng, nơi ý, huỷ báng các bậc Hiền Thánh, hành theo tà kiến và nhân duyên của nghiệp tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đọa vào cõi ác, sinh trong địa ngục. Các chúng sinh đó, thành tựu nghiệp thiện nơi thân, nơi miệng, nơi ý, không huỷ báng Hiền Thánh, thành tựu chánh kiến, cùng nhân duyên của nghiệp thiện chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung, chắc chắn sinh nơi cõi thiện và trong các cõi trời. Như vậy, Bồ-tát với cảnh giới thiên nhân thanh tịnh hơn hẳn con người ... đều nhận biết đúng như thật về các chúng sinh theo nghiệp thọ báo.

Bồ-tát này, đối với Tam-ma-bạt-đề, Tam-muội, Thiền giải thoát đều có thể nhập-xuất, nhưng không lệ thuộc vào lực sinh của Thiền giải thoát. Theo sự nhận thức có thể thực hành đầy đủ các pháp phần Bồ-đề, nhờ nguyện lực cho nên sinh trong ấy”.

#### Luận:

Thần thông nơi thân; là đạt được tự tại thù thắng, cho nên biết. Tự tại có ba loại:

1. Tự tại đối với thế giới; tức là có thể làm chuyển động đại địa. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, hiện bày vô lượng thần thông lực...”.

2. Tự tại đối với thân: Bồ-tát có thể ẩn, hiện, tan hợp. Như kinh nói: “Một thân hiện làm nhiều thân...”.

3. Tự tại đối với tác nghiệp; tác nghiệp có tám loại:

- Bằng hành vô ngại (Đi đứng xung quanh không bị ngăn ngại).

Như Kinh nói: “Tường đá, vách núi... đều có thể xuyên qua, như đi giữa

hư không”.

- Đi trên cao. Như Kinh nói: “Ở trong hư không ngồi kiết già mà đi giống như chim bay”.

- Đi trên, dưới. Như Kinh nói: “Vào ra nơi đất như ra vào nơi nước không khác”.

- Lợi qua nước không bị chìm. Như kinh nói: “Đi trên nước như đi trên đất”.

- Nơi thân có lửa cháy bùng. Như kinh nói: “Thân tuôn ra lửa khói...”.

- Thân có thể tuôn ra nước. Như kinh nói: “Nơi thân tuôn ra nước giống như đám mây lớn”.

- Thân có thể sờ, chạm. Như kinh nói: “Mặt trời mặt trăng...”.

- Tự tại. Cho đến cõi Phạm Thế, cũng như đối với khí thế gian, tùy ý chuyển biến luôn được tự tại. Như kinh nói: “Thân lực tự tại...”

Thiên nhĩ thông; tùy theo khả năng nghe và điều đã nghe mà thị hiện đúng như thật về sự lắng nghe thanh tịnh.

Hơn hẳn con người; tức là nghe xa cho nên vượt quá con người. Âm thanh thì thấp cho đến âm thanh nơi địa ngục A-tỳ..., đều có thể nghe được. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, dùng cảnh giới của thiên nhĩ thanh tịnh vượt quá con người”. Tùy chỗ tạo âm thanh của hàng trời-người, hiện tại đều nghe biết rõ ràng, cho đến âm thanh rất nhỏ của các loài ruồi-nhặng ... cũng có thể nghe rõ. Như kinh nói: “Nghe được hai loại âm thanh của hàng trời-người, hoặc gần hoặc xa, cho đến âm thanh của các loài ruồi-muỗi-nhặng...”.

Tha tâm thông; là chỗ sai biệt nơi tâm kẻ khác, có tám loại:

1. Tùy thuộc phiền não.
2. Sử.
3. Sinh.
4. Học hành trì Tam-muội.
5. Đạt Tam-muội.
6. Đạt giải thoát.
7. Hành vọng, hành chánh.
8. Các phàm phu tăng thượng mạn khác.

- Tùy thuộc phiền não; tức là kết hợp với tham-sân-si... Như kinh nói: “Bồ-tát ấy dùng Tha tâm trí nhận biết đúng như thật về tâm và tâm số pháp của chúng sinh khác...”.

- Sử; tức là có phiền não, lìa phiền não... Như kinh nói: “Nhận biết đúng như thật về tâm có nhiễm, tâm lìa nhiễm”.

- Sinh: trong cõi người là nhỏ, trong cõi trời thuộc cõi Dục là rộng, trong cõi trời thuộc cõi Sắc là lớn, trong hai cõi giải thoát của Vô sắc là vô lượng. Như kinh nói: “Tâm nhỏ, tâm rộng, tâm lớn, tâm vô lượng”.

- Học hành trì Tam-muội; tức là tâm tán loạn, tâm không tán loạn. Như kinh nói: “Tâm thâu nhiếp, tâm không thâu nhiếp”.

- Đạt Tam-muội; khi nhập định-không nhập định và lúc xuất định. Như kinh nói: “Tâm trú định, tâm không trú định”.

- Đạt giải thoát; tức là có trói buộc và không trói buộc. Như kinh nói: “Tâm giải thoát, tâm không giải thoát”.

- Hành vọng, hành chánh; là đối với tiếng tăm hiện khởi hy vọng, thuận hợp hoặc không thuận hợp. Như kinh nói: “Tâm cầu mong, tâm không cầu mong”.

- Hàng phàm phu tăng thượng mạn khác; tức là tập hành thô-tế. Như kinh nói: “Tâm hưởng thượng nhận biết đúng như thật...”.

Túc mạng trí thông; là người có thể nhớ nghĩ và trí có thể nhớ nghĩ. Như kinh nói: “Bồ-tát này nhớ biết đúng như thật về vô lượng thọ mạng của đời trước...”.

Nhớ biết về những sự việc gì? Như kinh nói: “Cũng có thể nhớ biết về một đời cho đến...”.

Thế nào là chỗ dựa vào của trí nhớ biết? Đó là:

- Sai biệt về danh tự. Như Kinh nói: “Mình vốn ở nơi ấy với tên như vậy.”

- Sai biệt về gia đình. Như Kinh nói: “Họ như vậy”.

- Sai biệt về sang hèn. Như Kinh nói: “Đời sống như vậy”.

- Sai biệt về đẹp xấu. Như Kinh nói: “Hình sắc như vậy”.

- Sai biệt về ăn uống. Như Kinh nói: “Sự ăn uống như vậy”.

- Sai biệt về hành nghiệp. Như Kinh nói: “Thọ mạng như vậy, sống lâu như vậy”.

- Sai biệt chỗ hơn kém thành hoại. Như Kinh nói: “Thọ nhận khổ vui. Mình ở nơi kia chết đi...”. Trong đó:

- Sai biệt về gia đình; tức là sai biệt về cha, mẹ.

- Sai biệt về sang hèn; tức là sai biệt về Sát-lợi, Bà-la-môn...

- Sai biệt về hành nghiệp; là sai biệt về thọ mạng, chết đúng lúc-không đúng lúc. Ở đây:

Vô số tướng mạo; là sai biệt về tất cả hình tướng. Như kinh nói: “Vô số các tướng mạo”.

Nêu bày; là danh xưng. Như kinh nói: “Được nêu ra”.

Tánh tướng; là họ của gia đình. Như kinh nói: “Tánh tướng... đều

có thể nhớ biết”.

Lại có nghĩa khác; cũng có thể nhớ biết về một đời, hai đời, như vậy... gọi là tướng mạo.

Nêu bày; là tên gọi ...

Tướng; Minh ở nơi kia chết đi, sinh ở nơi này. Như vậy... đều có thể nhớ biết.

Sinh tử trí thông thì ai có thể thấy được? Dùng thiên nhãn để thấy.

Thanh tịnh; là thấy kỹ càng, đầy đủ.

Vượt hơn con người; là thấy xa. Như kinh nói: “Bồ-tát này dùng cảnh giới của thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn con người...”.

Thấy những sự việc gì? Tức là các sự việc sống-chết của chúng sinh. Như kinh nói: “Thấy các chúng sinh, hoặc sống, hoặc chết...”.

Thấy như vậy nào? Như kinh nói: “Các chúng sinh đó gây tạo nghiệp ác nơi thân...”.

Phần khác; thì như trong hai địa trước đã nói.

Nghiệp báo thiện ác, ở đây cũng như vậy, cho nên biết.

Trong đoạn này:

- Thiên; là bốn thiên.

- Giải thoát; là bốn định Vô sắc.

- Tam-muội; là bốn vô lượng.

- Tam-ma-bạt-đề; là năm thần thông.

- Có thể vào-có thể ra; tức là khi tâm sinh, thì tùy theo lực dụng của tâm nơi hiện tiền.

- Nhưng không lệ thuộc vào lực sinh của thiên giải thoát; tức là tâm niệm sâu xa thuần hậu kia, ở đây chỉ rõ sự thành tựu.

- Theo chỗ thấy biết, có thể làm viên mãn nơi chốn của pháp phần Bồ-đề; tức là cùng với đại Bồ-đề của chư Phật cùng sinh một xứ. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, đối với thiên giải thoát...”.

**Kinh:** “Bồ-tát này, an trú nơi địa Minh của Bồ-tát rồi, được thấy nhiều chư Phật, do diệu lực của đại thần thông-đại nguyện, cho nên thấy nhiều trăm Phật, nhiều ngàn Phật, nhiều trăm ngàn Phật, trăm ngàn na-do-tha Phật, nhiều ức Phật, trăm ức, ngàn ức, trăm ngàn ức, trăm ngàn vạn ức na-do-tha Phật. Do diệu lực của đại thần thông-đại nguyện, cho nên Bồ-tát này, khi thấy chư Phật, đều đem tâm hương thượng, tâm sâu xa cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường các thứ y phục, thức ăn uống, ngọc cụ, thuốc men, tất cả vật dụng cung cấp đều dùng để phụng thí. Dùng các thứ vật dụng tạo an lạc thượng diệu của Bồ-tát để cúng

đường chúng Tăng, đem những căn thiện này đều nguyện hồi hướng đến đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Tại trú xứ của chư Phật khởi tâm cung kính tốt bậc, chuyên tâm nghe pháp, nghe rồi thọ trì, theo đúng như lời dạy mà hành trì. Bồ-tát ấy quán xét tất cả pháp không sinh-không diệt, do nhân duyên mà có”.

**Luận:**

Tất cả pháp không sinh-không diệt; tức là ở trong pháp thanh tịnh không thấy có tăng, ở trong vọng tưởng phiền não không thấy có giảm. Do nhân duyên làm nhân sinh, cho nên trong sự thanh tịnh kia, không một pháp nào có thể tăng, trong vọng tưởng phiền não kia, không một pháp nào có thể giảm. Nhưng dựa vào nhân duyên đối trị, lia bỏ vọng tưởng, phiền não thì càng trở nên thanh tịnh thù thắng, trí tuệ hiện tiền. Như kinh nói: “Quán xét tất cả pháp không sinh, không diệt, do nhân duyên mà có”.

**Kinh:** “Bồ-tát này, tất cả sự trói buộc của Dục đã chuyển biến trở nên mỏng, ít. Tất cả sự trói buộc của Sắc, của Hữu, của Vô minh thấy đều trở nên mỏng, ít. Sự trói buộc của kiến, trước đó đã trừ diệt. Bồ-tát này, an trú nơi địa Minh của bậc Bồ-tát rồi, trong vô lượng trăm kiếp, cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp, không còn hiện trở lại sự tích tập để đoạn trừ vọng tham-vọng sân-vọng si. Bồ-tát này, chuyển tăng các căn thiện đã có kia khiến càng trở nên sáng sủa. Đây các Phật tử! Ví như vàng ròng từ ban đầu được người thợ kim hoàn khéo léo tôi luyện phù hợp với cân-lượng, càng trở nên sáng đẹp bội phần. Đây các Phật tử! Bồ-tát này cũng lại như vậy... Bồ-tát ấy tâm nhẫn nhục an lạc càng trở nên sáng sủa. Các thứ tâm: Tâm cùng hòa hợp, tâm mềm mỏng, tâm không sân, tâm không động, tâm không ô trược, tâm không cao thấp nơi ngã, tâm không mong cầu đối với những việc chúng sinh đã làm, tâm đối với những việc đã thực hành không mong báo đáp, tâm không đua nịnh quanh co, tâm không rơi vào rừng rậm phiền não, thấy đều chuyển sang thanh tịnh. Bồ-tát ấy, trong bốn Nhiếp pháp thì lợi hành càng tăng thượng, trong mười Ba-la-mật thì Nhẫn nhục Ba-la-mật tăng thượng. Các Ba-la-mật còn lại không phải là không tu tập, nhưng tùy theo lực-theo phần. Đây các Phật tử! Đó gọi là lược nêu về địa Minh, là Địa thứ ba của bậc Bồ-tát”.

**Luận:**

Tất cả sự trói buộc của Dục đã chuyển biến trở nên mỏng-ít; là do tu đạo, đoạn trừ tất cả phiền não hiện có nơi ba cõi và nhân của chúng, cùng tập khí vô minh thấy đều mỏng, ít, do xa lìa.

Sự trói buộc của các kiến; ở trong địa thứ nhất, khi đạt kiến đạo đã đoạn trừ. Như kinh nói: “Sự trói buộc của các kiến, trước đó đã trừ diệt”.

Không còn hiện trở lại sự tích tập để đoạn trừ vọng tham...; tức là đoạn trừ căn bất thiện, sử, hành của tập khí, không đoạn trừ phiền não thô trọng, vì các phiền não thô trọng ấy nơi địa trước đã đoạn. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, an trú nơi địa Minh của bậc Bồ-tát rồi, trong vô lượng trăm ngàn kiếp...”.

Dụ về vàng ròng; là chỉ rõ sự an trú xứng hợp không giảm. Bồ-tát trú nơi địa Minh, sự chán lìa thế gian hơn hẳn so với địa trước, tự tại không mất. Như kinh nói: “Này các Phật tử! Ví như vàng ròng từ ban đầu...”.

Bồ-tát ấy, tâm nhẫn nhục an lạc càng trở nên sáng sạch; tức là nếu kẻ khác gia tăng tâm xấu ác. Bồ-tát đều có thể nhẫn chịu, lại khéo hộ trì tâm kẻ khác. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy tâm nhẫn nhục an lạc...”.

Kẻ gia tăng ác không sửa đổi, lại khéo hộ trì tâm của họ, tức là phân biệt chỉ rõ những việc làm ác và tâm hoài nghi nơi họ, hiện bày cùng là bạn bè, dùng ái ngữ để khuyên-dẫn. Như kinh nói: “Tâm cùng hòa hợp, tâm mềm mỏng-dịu dàng”.

Gia tăng điều ác nhưng Bồ-tát không giận dữ, nghe lời mắng nhiếc không đáp trả, không sinh lo buồn. Như kinh nói: “Tâm không sân hận, tâm không động, tâm không ô trược”.

Quá khứ không kiêu mạn, luôn tự hiện bày lời nói thiện. Như kinh nói: “Tâm không cao ngạo về ngã”.

Tâm không mong cầu được kẻ khác cung kính. Như Kinh nói: “Tâm không mong cầu đối với những việc làm của chúng sinh”.

Đối với những việc đã làm, tâm không mong cầu báo đáp. Như Kinh nói: “Tâm đối với những việc đã làm không mong cầu báo đáp”.

Tâm không phải là không thật sự làm điều lợi ích, và tâm không thiên lệch... khi làm lợi ích. Như kinh nói: “Tâm không đua nịnh quanh co”.

Những thứ cấu uế vi tế, ẩn giấu nơi tâm thấy đều xa lìa. Như kinh nói: “Tâm không rơi vào rừng rậm phiền não, thấy đều chuyển sang thanh tịnh”.

**Kinh:** “Bồ-tát trú trong địa này, nhiều lần làm vua cõi trời Đao Lợi, được tự tại nơi pháp, có thể dứt trừ các thứ phiền não cấu uế như tham dục... của chúng sinh. Dùng diệu lực của phương tiện thiện xảo để cứu vớt các chúng sinh nơi bùn lầy tham dục. Các nghiệp thiện đã làm

như bố thí-ái ngữ-lợi hành-đồng sự, những thứ phước đức ấy đều không lia niệm Phật-niệm Pháp-niệm Tăng-niệm Bồ-tát-niệm hạnh của Bồ-tát-niệm Ba-la-mật-niệm mười địa-niệm lực không hoại-niệm vô úy, niệm pháp bất cộng của Phật, cho đến không lia niệm đầy đủ về trí Nhất thiết chủng trí, trí Nhất thiết trí. Bồ-tát ấy thường khởi tâm này: Đối với tất cả chúng sinh, mình phải là người đứng đầu, là thù thắng, là lớn lao, là diệu, là vi diệu, là trên, là vô thượng, là người dẫn dắt, là vị tướng, là vị thầy, là bậc tôn quý, cho đến là chỗ dựa của trí Nhất thiết trí. Lại từ niệm ấy phát khởi hành tinh tiến. Do diệu lực của tinh tiến, cho nên ở trong khoảng một niệm đạt được trăm ngàn Tam-muội, được thấy trăm ngàn Phật, nhận biết trăm ngàn thần lực của Phật, làm chuyển động trăm ngàn thế giới Phật, có thể đi vào trăm ngàn thế giới Phật, có thể soi chiếu trăm ngàn thế giới Phật, có thể giáo hóa chúng sinh nơi trăm ngàn thế giới Phật, có thể trú thọ trăm ngàn kiếp, có thể nhận biết sự việc trong ngàn kiếp nơi đời quá khứ-vị lai, có thể khéo hội nhập nơi trăm ngàn pháp môn, có thể biến hóa thân làm trăm ngàn thân, nơi mỗi mỗi thân có thể thị hiện trăm ngàn Bồ-tát dùng làm quyến thuộc. Hoặc dùng nguyện lực thắng thượng tự tại, thì nguyện lực của Bồ-tát còn vượt hơn số lượng ấy. Thị hiện vô số diệu lực thần thông, hoặc nơi thân, hoặc nơi ánh sáng, hoặc thần thông, hoặc nơi mắt, hoặc cảnh giới, hoặc âm thanh, hoặc nẻo hành, hoặc sự trang nghiêm, hoặc gia hộ, hoặc tin tưởng, hoặc tạo tác. Các thứ thần thông ấy, cho đến trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp cũng không thể tính biết hết”.

**Luận:** Địa này thấu nhiếp quả báo nơi quả của nguyện trí lực, như trong địa thứ nhất đã giải thích.

